

E-xo'-ra

Vua Xi-ru cho phép dân lưu vong hồi hương

¹ Trong năm đầu* sau khi lên ngôi vua Ba-tư, CHÚA cảm động lòng Xi-ru nên vua ra chỉ thị toàn quốc để lời CHÚA phán qua nhà tiên tri Giê-rê-mi được thành tựu†. Vua viết:

² “Xi-ru, vua Ba-tư ra chỉ thị:

CHÚA, Thượng Đế trên trời, đã ban cho ta mọi nước trên đất, và Ngài chỉ định ta xây đền thờ cho Ngài tại Giê-ru-sa-lem trong Giu-đa.

³ Nguyên Thượng Đế ở cùng các người là dân sự Ngài. Các người được tự do trở về Giê-ru-sa-lem xứ Giu-đa để xây đền thờ cho CHÚA, Thượng Đế của Ít-ra-en là Đấng ngự ở Giê-ru-sa-lem. ⁴ Những ai còn ở lại, bất kỳ nơi nào, phải giúp những người muốn hồi hương. Hãy cho họ vàng, bạc, đồ dùng, gia súc, và những lễ vật cho đền thờ của Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem.”

⁵ Sau đó các trưởng gia đình của Giu-đa và Bên-gia-min, cùng các thầy tế lễ và người Lê-vi sẵn sàng lên đường về Giê-ru-sa-lem mỗi người tùy theo Thượng Đế thúc giục về Giê-ru-sa-lem

* **1:1:** năm đầu Tức năm 538 trước Công nguyên. † **1:1:** để lời CHÚA ... thành tựu Xem Giê 25:12-14.

để xây lại đền thờ CHÚA. ⁶ Tất cả các láng giềng đều giúp đỡ họ, cấp cho họ những đồ dùng bằng bạc, vàng, cùng với các vật dụng, gia súc, những tặng vật quý giá, và các vật dâng hiến cho đền thờ. ⁷ Ngoài ra, vua Xi-ru cũng mang ra các chén bát và chảo thuộc về đền thờ của CHÚA mà vua Nê-bu-cát-nết-xa đã lấy từ Giê-ru-sa-lem rồi để trong đền thờ của thần mình. ⁸ Xi-ru vua Ba-tư bảo Mít-rê-đít, thủ quỹ mang các vật đó ra và đếm trước mặt Sết-ba-xa, quan trưởng của Giu-đa.

⁹ Ông kiểm kê ba mươi cái đĩa vàng, một ngàn đĩa bạc, hai mươi chín cái chảo, ¹⁰ ba mươi cái chén vàng, bốn trăm mười chén bạc cùng bộ, và một ngàn món khác.

¹¹ Tổng cộng năm ngàn bốn trăm món đồ bằng vàng và bạc. Sết-ba-xa mang các món đó theo mình khi các tù binh lên đường hồi hương từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem.

2

Những tù nhân lưu vong hồi hương

¹ Sau đây là danh sách những người trong vùng trở về từ cuộc lưu đày. Họ đã bị Nê-bu-cát-nết-xa, vua Ba-by-lôn bắt đày sang Ba-by-lôn. Họ trở về lại Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, ai về thành nấy. ² Những người sau đây trở về cùng Xê-ru-ba-bên, Nê-hê-mi, Sê-rai-gia, Rê-ê-lai-gia, Mạc-đô-chê, Binh-san, Bích-vai, Rê-hum và Ba-a-na.

Những người sau đây thuộc dân Ít-ra-en: ³ con cháu Ba-rốt: 2.172 người; ⁴ con cháu Sê-pha-tia:

372 người; ⁵ con cháu A-ra: 775 người; ⁶ con cháu Ba-hát Mô-áp, qua gia đình Giê-sua và Giô-áp: 2.812 người; ⁷ con cháu Ê-lam: 1.254 người; ⁸ con cháu Xát-tu: 945 người; ⁹ con cháu Xác-cai: 760 người; ¹⁰ con cháu Ba-ni: 642 người; ¹¹ con cháu Bê-bai: 623 người; ¹² con cháu Ác-gác: 1.222 người; ¹³ con cháu A-đô-ni-cam: 66 người; ¹⁴ con cháu Bích-vai: 2.056 người; ¹⁵ con cháu A-đỉnh: 454 người; ¹⁶ con cháu A-te, qua gia đình Xê-đê-kia: 98 người; ¹⁷ con cháu Bê-xai: 323 người; ¹⁸ con cháu Giô-ra: 112 người; ¹⁹ con cháu Ha-sum: 223 người; ²⁰ con cháu Ghíp-ba: 95 người;

²¹ Sau đây là những người thuộc thị trấn Bết-lê-hem: 123 người; ²² thị trấn Nê-tô-pha: 56 người; ²³ thị trấn A-na-thốt: 128 người; ²⁴ thị trấn Ách-ma-vết: 42 người; ²⁵ thị trấn Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt: 743 người; ²⁶ thị trấn Ra-ma và Ghê-ba: 621 người; ²⁷ thị trấn Mích-mát: 122 người; ²⁸ thị trấn Bê-tên và A-hi: 223 người; ²⁹ thị trấn Nê-bô: 52 người; ³⁰ thị trấn Mác-bích: 156 người; ³¹ thị trấn Ê-lam khác: 1.254 người; ³² thị trấn Ha-rim: 320 người; ³³ thị trấn Lốt, Ha-đích, và Ô-nô: 725 người; ³⁴ thị trấn Giê-ri-cô: 345 người; ³⁵ thị trấn Sê-na-a: 3.630 người;

³⁶ Những người sau đây là các thầy tế lễ: con cháu Giê-đai-gia, qua gia đình Giê-sua: 973 người; ³⁷ con cháu Im-mê: 1.052 người; ³⁸ con cháu Ba-sua: 1.247 người; ³⁹ con cháu Ha-rim: 1.017 người;

⁴⁰ Sau đây là người Lê-vi: con cháu Giê-sua và Cát-miên, qua gia đình Hô-đa-via: 74 người;

⁴¹ Sau đây là các ca sĩ: con cháu A-sáp: 128 người;

⁴² Sau đây là những người giữ cửa của đền thờ: con cháu Sa-lum, A-te, Thanh-môn, Ác-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai: 139 người;

⁴³ Sau đây là những người giúp việc trong đền thờ: con cháu Xi-ha, Ha-su-pha, Ta-ba-ốt, ⁴⁴ Kê-rô, Si-a-ha, Ba-đôn, ⁴⁵ Lê-ba-na, Ha-ga-ba, Ác-cúp, ⁴⁶ Ha-gáp, Sanh-mai, Ha-nan, ⁴⁷ Ghi-đen, Ga-ha, Rê-a-gia, ⁴⁸ Rê-xin, Nê-cô-đa, Ga-xam, ⁴⁹ U-xa, Ba-sê-a, Bê-sai, ⁵⁰ Át-na, Mê-u-nim, Nê-phu-xim, ⁵¹ Bác-búc, Ha-cu-pha, Ha-sua, ⁵² Bả-lút, Mê-hi-đa, Hát-sa, ⁵³ Bác-cô, Xi-xê-ra, Thê-ma, ⁵⁴ Nê-xia, và Ha-ti-pha.

⁵⁵ Sau đây là con cháu của các tôi tớ Sô-lô-môn: con cháu Sô-tai, Hát-xô-phê-rết; Bê-ru-đa, ⁵⁶ Gia-a-la, Đác-côn, Ghít-đen, ⁵⁷ Sê-pha-tia, Hát-tin, Bô-kê-rết Ha-xê-ba-im, và A-mi.

⁵⁸ Các người giúp việc trong đền thờ và con cháu của các tôi tớ Sô-lô-môn tổng cộng là 392 người;

⁵⁹ Một số người đến Giê-ru-sa-lem từ các thị trấn Tê-Ma-la, Tê-Ha-sa, Kê-rúp, Ách-đan, và Im-mê, nhưng họ không chứng minh được tổ tiên mình là người Ít-ra-en. ⁶⁰ Họ là con cháu Ê-đê-lai-gia, Tô-bia, và Nê-cô-đa gồm 652 người;

⁶¹ Ngoài ra các thầy tế lễ sau đây: con cháu Hô-bai-gia, Hác-cô, và Bát-xi-lai, người lấy con gái của Bát-xi-lai từ Ghi-lê-át và mang tên gia đình

vợ mình. ⁶² Họ tra cứu gia phả nhưng không thấy tên cho nên không được làm chức tế lễ vì họ bị xem như không tinh sạch. ⁶³ Quan tổng trấn không cho phép họ ăn những món đã được dâng cho Thượng Đế cho đến khi một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim để giải quyết vấn đề này.

⁶⁴ Tổng số người hồi hương là: 42.360 người.

⁶⁵ Trong số đó không tính 7.337 tôi trai tứ gái và 200 nam nữ ca sĩ cùng đi với họ. ⁶⁶ Họ có 736 con ngựa, 245 con la, ⁶⁷ 435 con lạc đà, và 6.720 con lừa.

⁶⁸ Khi đến đền thờ của CHÚA tại Giê-ru-sa-lem thì một số trưởng gia đình dâng hiến của cải để xây lại đền thờ Thượng Đế trên địa điểm cũ. ⁶⁹ Họ dâng hết sức theo khả năng vào ngân khố để tái thiết đền thờ: khoảng 1.100 cân* vàng, 6.000 cân† bạc, và 100 bộ áo cho các thầy tế lễ.

⁷⁰ Tất cả các người Ít-ra-en định cư trong các thị trấn quê quán mình. Các thầy tế lễ, người Lê-vi, các ca sĩ, người giữ cửa, người giúp việc trong đền thờ, cùng với những người khác đều định cư trong thị trấn mình.

3

Xây lại bàn thờ

* **2:69:** 1.100 cân Nguyên văn, “61.000 đồng đặc-ma” (khoảng 526 kí-lô). † **2:69:** 6.000 cân Nguyên văn, “5.000 đồng mi-na” (khoảng 3.450 kí-lô).

¹ Vào tháng bảy* sau khi dân Ít-ra-en đã định cư tại các thị trấn nhà của mình thì họ họp nhau lại tại Giê-ru-sa-lem. ² Giê-sua con Giô-xa-đác và các thầy tế lễ đồng nghiệp cùng với Xê-ru-ba-bên, con của Sê-anh-tiên bắt đầu xây lại bàn thờ Thượng Đế của Ít-ra-en để dâng của lễ thiêu theo như lời chỉ dạy của Mô-se, người của Thượng Đế. ³ Mặc dù còn sợ các dân tộc xung quanh, họ vẫn xây lại đền thờ tại chỗ cũ. Rồi họ dâng của lễ thiêu trên đó cho CHÚA mỗi sáng mỗi chiều. ⁴ Sau đó họ vâng theo lời đã được ghi chép và cử hành Lễ Lều Tạm. Họ dâng đúng số sinh tế mỗi ngày cho cuộc lễ. ⁵ Sau Lễ Lều Tạm, họ dâng sinh tế đều đặn mỗi ngày cũng như sinh tế vào ngày Trăng Mới và mọi buổi lễ theo như CHÚA truyền dạy. Ngoài ra cũng có những lễ vật đặc biệt cho CHÚA. ⁶ Vào ngày đầu tiên tháng bảy, họ bắt đầu dâng của lễ thiêu cho CHÚA, tuy nhiên người ta chưa đặt nền cho đền thờ CHÚA.

Xây lại đền thờ

⁷ Rồi họ trao tiền cho thợ nề và thợ mộc. Họ cũng dùng thực phẩm, rượu và dầu ô-liu trả công cho dân cư thành Xi-đôn và Tia để các thành ấy thả trôi các khúc gỗ hương nam từ Li-băng xuống thành Gióp-ba trên bờ biển. Xi-ru, vua Ba-tư đã cho phép làm việc đó.

* **3:1:** tháng bảy Tức tháng 7 lịch Do-thái, khoảng tháng 9-10 dương lịch, khoảng năm 538 trước Công nguyên.

⁸ Vào tháng hai[†] năm thứ hai sau khi họ đến đền thờ của Thượng Đế tại Giê-ru-sa-lem thì Xê-ru-ba-bên, con Sê-anh-tiên, Giê-sua con Giô-xa-đác, các thầy tế lễ đồng nghiệp, các người Lê-vi cùng những người đã trở về Giê-ru-sa-lem từ cuộc lưu đày bắt tay vào việc. Họ chọn những người Lê-vi từ hai mươi tuổi trở lên để lo việc xây cất đền thờ CHÚA. ⁹ Những người sau đây chịu trách nhiệm xây cất đền thờ của Thượng Đế: Giê-sua cùng các con trai và anh em ông, Cát-miên cùng các con trai là con cháu Hô-đã-va; các con trai Hê-na-đát, các con trai và anh em họ. Tất cả đều là người Lê-vi.

¹⁰ Những thợ xây cất đặt xong nền của đền thờ CHÚA. Rồi các thầy tế lễ mặc đồng phục đứng cầm kèn, các người Lê-vi, các con trai A-sáp, cũng đứng cầm chập chửa. Họ đứng vào vị trí và ca ngợi CHÚA theo như Đa-vít, vua Ít-ra-en đã căn dặn. ¹¹ Họ hát những bài ca đối đáp[‡] và cảm tạ CHÚA như sau:

“Ngài nhân từ,
tình yêu Ngài cho Ít-ra-en còn đến đời đời.”

Rồi toàn dân reo mừng, “Chúc tụng CHÚA! Nền của đền thờ đã được đặt xong.”

[†] **3:8:** tháng hai Tức tháng 2 lịch Do-thái, khoảng tháng 4-5 dương lịch, năm 536 trước công nguyên. [‡] **3:11:** bài ca đối đáp Những bài ca này được hát làm 2 phần. Một nhóm người Lê-vi hát phần đầu, và nhóm kia là dân chúng đáp lại bằng cách hát phần thứ nhì. Rất có thể những bài ca này trích trong Thi 111-118 và Thi 136.

¹² Tuy nhiên các thầy tế lễ già nua, những người Lê-vi cùng các trưởng gia đình đã thấy đền thờ đầu tiên liền khóc lớn khi họ nhìn thấy nền của đền thờ này. Hầu hết dân chúng vui mừng hò reo. ¹³ Họ reo hò lớn đến nỗi ở xa cũng nghe. Không ai phân biệt được tiếng reo hò vui vẻ và tiếng khóc thảm sầu.

4

Chống đối việc tái thiết

¹ Khi những kẻ thù của dân Giu-đa và Bên-gia-min nghe rằng những tù binh vừa hồi hương đang xây lại đền thờ của CHÚA, Thượng Đế của Ít-ra-en, ² thì họ đến gặp Xê-ru-ba-bên và các trưởng gia đình và nói, “Chúng tôi sẽ giúp đỡ các anh xây cất vì chúng tôi cũng như các anh, muốn thờ phụng Thượng Đế các anh. Chúng tôi đã dâng của lễ cho Ngài từ thời Ê-sa-hát-đôn, vua A-xy-ri là người đã mang chúng tôi đến đây.”

³ Nhưng Xê-ru-ba-bên, Giê-sua, và các lãnh tụ Ít-ra-en đáp, “Các anh không cần giúp đỡ chúng tôi xây đền thờ của Thượng Đế chúng tôi. Chúng tôi sẽ tự mình xây đền thờ đó cho CHÚA, Thượng Đế của Ít-ra-en theo như Xi-ru, vua Ba-tư truyền dạy chúng tôi.”

⁴ Sau đó những người sống quanh họ tìm cách làm nản lòng dân Giu-đa khiến cho họ sợ không dám xây cất. ⁵ Các kẻ thù của họ thuê những người khác làm trì hoãn chương trình xây cất

trong thời Xi-ru vua Ba-tư. Việc đó kéo dài đến thời Đa-ri-út lên ngôi vua Ba-tư.

Những sự chống đối về sau

⁶ Khi Xét-xe* mới lên ngôi, những người đó viết một thư phản đối dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

⁷ Khi A-ta-xét-xe lên ngôi vua Ba-tư thì Bích-lam, Mít-rê-đít, Ta-biên, và những đồng lõa của chúng viết một thư cho vua. Thư đó viết bằng tiếng A-ram và được dịch ra†.

⁸ Rê-hum, quan tổng trấn, và Sim-sai, thư ký quan tổng trấn viết một thư chống Giê-ru-sa-lem cho vua. Thư viết như sau:

⁹ Thư này do Rê-hum, quan tổng trấn, Sim-sai, thư ký, và các đồng nghiệp: các quan án cùng những viên chức cao cấp cai quản những người đã trở về từ Tri-bô-li, Ba-tư, Ê-réc, và Ba-by-lôn, người Ê-lam ở Su-sa, ¹⁰ cùng những người mà vua A-su-ba-ni-banh cao cả vĩ đại đã trực xuất ra khỏi xứ họ và cho định cư tại thành Xa-ma-ri cùng những nơi khác thuộc vùng Xuyên Ở-phơ-rát.

¹¹ Đây là bản sao bức thư họ gửi cho vua A-ta-xét-xe:

* **4:6:** Xét-xe Vua Ba-tư, trị vì khoảng năm 485–465 trước Công nguyên. † **4:7:** Thư đó ... dịch ra Hay “Thư được viết bằng ngôn ngữ địa phương nhưng dùng chữ viết A-ram và được dịch ra tiếng A-ram” nghĩa là học giả dùng chữ viết A-ram hiện đại chứ không phải loại chữ viết xưa mà xứ Giu-đa lúc ấy đang sử dụng.

“Các đầy tớ vua sống trong vùng Xuyên Ơ-phơ-rát, kính gởi vua.

¹² Thưa vua, vua biết những người Do-thái từ vua trở về cùng chúng tôi đã đi đến Giê-ru-sa-lem để xây lại thành gian ác bất tuân này. Họ đang xây lại vách[‡] và nền của các tòa nhà.

¹³ Bây giờ, thưa vua, nên biết rằng nếu Giê-ru-sa-lem được xây, vách nó được sửa chữa lại thì Giê-ru-sa-lem sẽ không còn đóng món thuế nào nữa. Rồi số thu của chính phủ sẽ sụt xuống. ¹⁴ Vì chúng tôi phải trung thành với chính phủ, chúng tôi không muốn vua bị người ta xem thường cho nên chúng tôi viết thư này để ngài biết. ¹⁵ Chúng tôi đề nghị ngài cho sưu tầm sử liệu của các vua tiền nhiệm. Ngài sẽ thấy rằng thành Giê-ru-sa-lem bất phục tùng và gây rối cho các vua cùng các vùng do nước Ba-tư kiểm soát. Từ lâu lắm rồi nó là chỗ khởi xướng sự bất tuân. Vì thế mà nó bị tiêu hủy. ¹⁶ Thưa vua, chúng tôi muốn vua biết rằng nếu thành này được tái thiết, vách được sửa chữa lại thì vua không còn gì ở phía Xuyên Ơ-phơ-rát bên này cả.”

¹⁷ Vua gởi thư phúc đáp như sau:

“Gởi Rê-hum, quan tổng trấn, và Sim-sai, thư

[‡] **4:12:** xây lại vách Đây là cách bảo vệ thành phố. Những người này muốn cho nhà vua nghĩ rằng các người Do-thái đang chuẩn bị phản nghịch lại vua.

ký cùng các đồng nghiệp sống ở Xa-ma-ri cùng những người sống ở các nơi khác trong vùng Xuyên O-phơ-rát.

Chào thăm các người.

¹⁸ Bức thư các người gửi cho ta đã được phiên dịch và đọc cho ta nghe. ¹⁹ Ta ra lệnh sưu tầm sử liệu và việc đó đã được thực hiện. Ta thấy rằng thành Giê-ru-sa-lem có một lịch sử phản nghịch với các vua và là một địa điểm gây rối. ²⁰ Giê-ru-sa-lem trước kia có các vua hùng mạnh cai trị toàn vùng Xuyên O-phơ-rát, và người ta phải đóng đủ loại thuế cho nó. ²¹ Bây giờ hãy ra lệnh cho các người đó ngưng công tác. Thành Giê-ru-sa-lem không được phép xây lại cho đến khi có lệnh ta. ²² Các người phải thi hành lệnh này vì nếu chúng tiếp tục, chính phủ sẽ bị thiệt hại.”

Công tác tái thiết bị tạm ngưng

²³ Một bản sao thư vua gửi được đọc cho Rê-hum, và Sê-sai, thư ký và những người khác. Rồi họ vội vàng đi đến dân Do-thái ở Giê-ru-sa-lem và buộc họ ngưng công tác xây cất.

²⁴ Vì thế công tác của đền thờ Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem bị ngưng lại[§] cho đến năm thứ hai* khi vua Đa-ri-út lên ngôi vua Ba-tư.

§ 4:24: Vì thế ... ngưng lại Đây muốn nói đến thời đại vua Xét-xe khi công tác tái thiết đền thờ bị đình chỉ chứ không phải thời đại vua A-c-ta-xét-xe khi công tác sửa chữa vách thành Giê-ru-sa-lem bị ngưng. * 4:24: năm thứ hai Tức năm 520 trước Công nguyên.

5

Thư của Tát-tê-nai gửi Đa-ri-út

¹ Các nhà tiên tri A-gai* và Xa-cha-ri, con của Y-đô†, nhân danh Thượng Đế của Ít-ra-en là Đấng cai quản họ, nói tiên tri về dân Do-thái ở Giu-đa và Giu-đa, ² Rồi Xê-ru-ba-bên, con Sê-anh-tiên, và Giê-sua, con Giô-xa-đác khởi công xây lại đền thờ Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem. Các nhà tiên tri của Thượng Đế có ở đó phụ giúp họ.

³ Lúc đó, Tát-tê-nai, quan tổng trấn vùng Xuyên Ô-phơ-rát, Sê-tha-Bô-xê-nai cùng các đồng nghiệp chúng đến cùng người Do-thái hỏi, “Ai cho phép các anh xây lại đền thờ và sửa chữa các vách này?” ⁴ Chúng cũng hỏi, “Tên của những người làm việc trong toà nhà này là ai?” ⁵ Nhưng Thượng Đế của họ trông nom các bô lão của người Giu-đa. Các thợ thuyền không bị gián đoạn công tác cho đến khi báo cáo được gửi về Đa-ri-út và được vua phúc đáp lại.

⁶ Đây là bản sao bức thư do Tát-tê-nai, quan tổng trấn vùng Xuyên Ô-phơ-rát, Sê-tha-Bô-xê-nai, và những viên chức cao cấp khác thuộc vùng Xuyên Ô-phơ-rát gửi cho vua Đa-ri-út. ⁷ Sau đây là nội dung của bản phúc trình họ gửi cho vua:

Kính vua Đa-ri-út.

Nguyện vua hưởng thái bình.

* **5:1:** A-gai Xem A-gai 1:1. † **5:1:** Xa-cha-ri, con của Y-đô Xem Xa 1:1.

⁸ Thưa vua Đa-ri-út, chúng tôi muốn vua biết rằng chúng tôi đã đi thăm khu vực Giu-đa nơi có đền thờ của Thượng Đế cao cả. Người ta đang dùng các tảng đá to để xây đền thờ đó, và dùng gỗ để dựng vách. Họ làm việc rất cực nhọc và xây cất rất nhanh chóng.

⁹ Chúng tôi hỏi các bô lão, “Ai cho phép các anh xây lại đền thờ và các vách này?”

¹⁰ Chúng tôi hỏi tên họ và ghi lại tên của những người lãnh đạo họ để vua rõ.

¹¹ Họ trả lời cho chúng tôi như sau:

“Chúng tôi là tôi tớ của Thượng Đế của trời đất. Chúng tôi đang xây lại đền thờ mà một vì vua lớn của Ít-ra-en đã xây và hoàn tất cách đây nhiều năm. ¹² Nhưng tổ tiên chúng tôi chọc giận Thượng Đế trên trời cho nên Ngài trao họ cho Nê-bu-cát-nết-xa, vua Ba-by-lôn, người tiêu hủy đền thờ này và bắt họ làm tù binh đầy sang Ba-by-lôn.

¹³ Sau đó, năm đầu tiên vừa lên ngôi, Xi-ru, vua Ba-by-lôn ra chỉ thị đặc biệt cho phép xây lại đền thờ này. ¹⁴ Vua Xi-ru mang những chén bát cùng chảo bằng vàng và bạc đã lấy từ đền thờ Thượng Đế ra khỏi đền thờ ở Ba-by-lôn. Nê-bu-cát-nết-xa đã lấy những thứ đó khỏi đền thờ ở Giê-ru-sa-lem và để trong đền thờ ở Ba-by-lôn. Vua Xi-ru trả lại các món đó cho Sết-ba-xa, quan tổng trấn do vua bổ nhiệm.”

¹⁵ Xi-ru bảo ông, “Hãy lấy các chén bát và chảo bằng vàng và bạc này đem để lại trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem và xây lại đền thờ Thượng Đế trên nền cũ của nó.” ¹⁶ Vậy Sết-ba-xa trở về và đặt nền của đền thờ Thượng Đế tại Giê-ru-sa-lem. Từ ngày đó đến nay công tác vẫn tiến hành nhưng chưa hoàn tất.

¹⁷ Bây giờ, nếu đẹp ý vua, xin cho sưu tầm sử ký hoàng gia tại Ba-by-lôn. Xem thử vua Xi-ru có ra chỉ thị cho phép xây lại đền thờ này ở Giê-ru-sa-lem không. Rồi xin vua cho chúng tôi biết quyết định của vua.

6

Sắc lệnh của vua Đa-ri-út

¹ Vậy vua Đa-ri-út ra lệnh sưu tầm sử liệu lưu trữ trong ngân khố ở Ba-by-lôn. ² Người ta tìm được một cuộn giấy ở Éc-ba-ta-na, thủ đô Ba-tư. Sau đây là những bút lục ghi trên đó.

Lưu ý: ³ Vua Xi-ru ra sắc lệnh về đền thờ Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem vào năm đầu tiên sau khi lên ngôi. Chỉ thị đó như sau:

“Đền thờ được phép xây lại để làm nơi dâng của lễ. Cho phép đặt nền; chiều cao đền thờ là ba mươi một thước*, rộng ba mươi một thước. ⁴ Có ba lớp đá lớn† rồi một lớp gỗ. Phí tổn do ngân khố nhà vua đài thọ. ⁵ Những vật

* **6:3:** ba mươi một thước Thước Nguyên văn, “60 cu-bit.”

† **6:4:** đá lớn Hay “đá cẩm thạch.”

dụng bằng vàng và bạc từ đền thờ Thượng Đế phải được trả lại và đặt vào vị trí cũ. Nê-bu-cát-nét-xa đã lấy những món đồ từ đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, mang qua Ba-by-lôn nhưng những món đồ phải được đặt lại trong đền thờ Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem.”

⁶ “Bây giờ, Tát-tê-nai, quan tổng trấn vùng Xuyên Ô-phơ-rát, Sê-tha-Bô-xê-nai, và các viên chức vùng đó hãy giang ra. ⁷ Không được phá khuấy công tác của đền thờ Thượng Đế. Hãy để thống đốc của người Do-thái và các bô lão Do-thái xây lại đền thờ này trên nền cũ.

⁸ Ngoài ra ta ra lệnh cho người làm như sau cho các bô lão Do-thái đang xây lại đền thờ: Phí tổn xây cất phải hoàn toàn do ngân khố hoàng gia đài thọ, lấy từ thuế thu được ở vùng Xuyên Ô-phơ-rát. Người hãy thi hành lệnh này để công tác không bị ngưng trệ. ⁹ Hãy cung cấp cho những người đó bất cứ thứ gì họ cần: bò tơ đực, chiên đực hay chiên con để làm của lễ thiêu cho Thượng Đế trên trời, lúa mì, muối, rượu, hay dầu ô-liu. Hãy cung cấp cho các thầy tế lễ ở Giê-ru-sa-lem bất cứ thứ gì họ yêu cầu mỗi ngày không được chậm trễ. ¹⁰ Như thế để họ dâng của lễ làm vui lòng Thượng Đế trên trời và cũng để họ cầu nguyện cho mạng sống của vua và các hoàng tử.

¹¹ Ngoài ra, ta cũng ra lệnh này: Nếu ai thay đổi lệnh này thì phải rút một cây đà ra khỏi nhà nó và đâm xuyên qua người nó. Vì tội

ác nó, nhà nó phải biến thành đồng cây vụn.
 12 Thượng Đế đã chọn Giê-ru-sa-lem làm nơi người ta thờ phụng Ngài. Nguyên Ngài trừng phạt vua nào hay người nào tìm cách thay đổi lệnh này hay hủy phá đền thờ này.

Ta, Đa-ri-út, ra lệnh này. Phải thi hành lệnh này mau chóng và cẩn thận.”

*Hoàn tất công tác xây cất
 và lễ khánh thành đền thờ*

13 Vì thế, Tát-tê-nai, quan tổng trấn vùng Xuyên Ơ-phơ-rát, Sê-thê-Bô-xê-nai, và các đồng nghiệp họ vội vàng thi hành lệnh vua Đa-ri-út một cách cẩn thận. 14 Các bô lão Do-thái tiếp tục công tác xây cất và thành công vì lời giảng dạy của nhà tiên tri A-gai, và Xa-cha-ri, một con cháu của Y-đô. Họ hoàn tất công tác xây đền thờ theo như Thượng Đế của Ít-ra-en truyền dặn và theo sắc lệnh của các vua Xi-ru, Đa-ri-út, và A-ta-xét-xe của Ba-tư. 15 Đền thờ được hoàn tất vào ngày ba tháng A-đa[‡], năm thứ sáu đời vua Đa-ri-út. §

16 Rồi dân Ít-ra-en hân hoan kỷ niệm và dâng hiến đền thờ cho Thượng Đế để tôn kính Ngài. Mọi người đều vui vẻ: các thầy tế lễ, người Lê-vi, và toàn thể dân Giu-đa trở về từ cuộc lưu đày. 17 Họ dâng đền thờ cho Thượng Đế bằng một trăm con bò đực, hai trăm con chiên đực,

‡ 6:15: ngày ba tháng A-đa Theo lịch Do-thái tức khoảng tháng 2-3 dương lịch. Vài bản cổ ghi “ngày 23 tháng A-đa.”

§ 6:15: năm thứ sáu đời vua Đa-ri-út Tức khoảng 515 trước Công nguyên.

bốn trăm con chiên con làm của lễ. Và để làm của lễ chuộc tội cho toàn dân Ít-ra-en, họ dâng mười hai con chiên đực, mỗi con đại diện cho một chi tộc trong Ít-ra-en. ¹⁸ Sau đó họ chia các thầy tế lễ và người Lê-vi ra hai nhóm riêng biệt. Mỗi nhóm phục vụ Thượng Đế ở đền thờ ở Giê-ru-sa-lem theo thời gian ấn định như sách Mô-se đã ghi.

Kỷ niệm Lễ Vượt Qua

¹⁹ * Những người Do-thái hồi hương từ cuộc lưu đày cử hành Lễ Vượt Qua vào ngày mười bốn tháng giêng†. ²⁰ Các thầy tế lễ và người Lê-vi đã dọn mình thanh sạch. Sau đó người Lê-vi giết các con chiên con dùng cho Lễ Vượt Qua cho toàn thể dân chúng đã trở về từ cuộc lưu đày, cho thân nhân của họ là các thầy tế lễ, và cho chính mình. ²¹ Vậy toàn dân Ít-ra-en đã trở về từ cuộc lưu đày ăn con chiên của Lễ Vượt Qua. Dân chúng đã từ bỏ những lối sống không tinh sạch của các lân bang ngoại quốc để thờ phụng CHÚA là Thượng Đế của Ít-ra-en. ²² Trong bảy ngày họ vui mừng kỷ niệm Lễ Bánh Không Men. CHÚA đã khiến họ vui mừng bằng cách thay đổi lòng của vua A-xy-ri‡ để vua giúp họ trong công tác xây cất đền thờ Thượng Đế của Ít-ra-en.

* **6:19:** Những người ... Ở đây ngôn ngữ nguyên thủy A-ram được chuyển sang tiếng Hê-bơ-rơ. † **6:19:** tháng giêng Theo lịch Do-thái tức khoảng tháng 3-4 dương lịch, năm 515 trước Công nguyên. ‡ **6:22:** vua A-xy-ri Đây có lẽ là vua Đa-ri-út của Ba-tư.

7

E-xơ-ra trở về Giê-ru-sa-lem

¹ Sau các việc ấy, vào triều đại Ạc-ta-xét-xe, vua Ba-tư thì E-xơ-ra từ Ba-by-lôn trở về. Ông là con Sê-rai-gia, Sê-rai-gia con A-xa-ria, A-xa-ria con Hinh-kia, ² Hinh-kia con Sa-lum, Sa-lum con Xa-đốc, Xa-đốc con A-hi-túp, ³ A-hi-túp con A-ma-ria, A-ma-ria con A-xa-ria, A-xa-ria con Mê-rai-giốt, ⁴ Mê-rai-giốt con Xê-ra-hia, Xê-ra-hia con U-xi, U-xi con Búc-ki, ⁵ Búc-ki con A-bi-sua, A-bi-sua con Phi-nê-ha, Phi-nê-ha con Ê-lê-a-xa, Ê-lê-a-xa con A-rôn là thầy tế lễ tối cao. ⁶ E-xơ-ra từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem. Ông là giáo sư luật* và rất rành về những điều giáo huấn của Mô-se do CHÚA, là Thượng Đế của Ít-ra-en truyền lại. E-xơ-ra nhận được đủ mọi thứ ông yêu cầu từ vua vì CHÚA là Thượng Đế giúp đỡ ông. ⁷ Vào năm thứ bảy triều vua Ạc-ta-xét-xe, có thêm nhiều người Ít-ra-en nữa trở về Giê-ru-sa-lem. Trong số đó có các thầy tế lễ, người Lê-vi, các ca sĩ, người giữ cửa, và những người giúp việc trong đền thờ.

⁸ E-xơ-ra trở về Giê-ru-sa-lem vào tháng năm†, năm thứ bảy triều vua. ⁹ E-xơ-ra rời Ba-by-lôn vào ngày đầu tiên tháng giêng, và về đến Giê-ru-sa-lem vào ngày một tháng năm vì Thượng Đế giúp đỡ ông. ¹⁰ E-xơ-ra đã hết sức cố gắng

* **7:6:** giáo sư luật Nguyên văn, “học giả.” Đây là những người chuyên biên chép, nghiên cứu sách vở và trở thành giáo sư.

† **7:8:** tháng năm Lịch Do-thái tức khoảng tháng 7-8 dương lịch, năm 458 trước Công nguyên.

học hỏi và vâng theo những lời Giáo Huấn của CHÚA để dạy các qui tắc và mệnh lệnh Ngài cho dân Ít-ra-en.

*Bức thư của vua
gửi E-xơ-ra*

¹¹ Vua gửi một thư cho E-xơ-ra, thầy tế lễ và giáo sư dạy các mệnh lệnh và luật lệ mà CHÚA cho dân Ít-ra-en. Nội dung bức thư như sau:

¹² † “Ạc-ta-xét-xe, vua các vua, gửi E-xơ-ra, thầy tế lễ và giáo sư luật của Thượng Đế trên trời.

Chào thăm ông.

¹³ Ta ra lệnh sau: Bất cứ người Ít-ra-en nào sống trong vương quốc ta đều có thể theo người về Giê-ru-sa-lem, kể cả các thầy tế lễ và người Lê-vi. ¹⁴ E-xơ-ra, người được vua và bảy cố vấn vua phái đi để hỏi thăm người Giu-đa và Giê-ru-sa-lem ra sao trong việc vâng theo Luật lệ của Thượng Đế mà người đang mang theo mình. ¹⁵ Ngoài ra cũng hãy mang theo người bạc và vàng mà vua và các cố vấn vua dâng hiến rộng rãi cho Thượng Đế của Ít-ra-en, Đấng có đền thờ ở Giê-ru-sa-lem. ¹⁶ Cũng hãy mang về bạc và vàng mà người nhận từ vùng Ba-by-lôn. Hãy nhận những của lễ mà người Ít-ra-en và các thầy tế lễ họ dâng cho

† **7:12:** Ạc-ta-xét-xe ... Ở đây bản văn chuyển từ Hê-bơ-rơ sang ngôn ngữ A-ram.

đền thờ của Thượng Đế các người tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁷ Dùng tiền đó mua bò đực, chiên đực, chiên con, ngũ cốc và các của lễ uống đi kèm theo các sinh tế đó. Rồi dâng các của lễ trên bàn thờ trong đền thờ của Thượng Đế các người tại Giê-ru-sa-lem.

¹⁸ Người và các đồng bào Do-thái người có thể tùy tiện dùng bạc và vàng còn lại và theo ý muốn Thượng Đế. ¹⁹ Hãy mang về cho Thượng Đế ở Giê-ru-sa-lem tất cả các đồ dùng cho việc thờ phụng trong đền thờ Thượng Đế các người, ²⁰ những đồ dùng mà chúng ta đã cho các người. Hãy dùng ngân khố hoàng gia đài thọ những điều khác người cần cho đền thờ Thượng Đế các người.

²¹ Nay ta, vua, ra lệnh sau đây cho tất cả các viên chức quản thủ ngân khố vùng Xuyên Ơ-phơ-rát: Hãy cấp cho E-xơ-ra, thầy tế lễ và giáo sư luật của Thượng Đế trên trời bất cứ điều gì người yêu cầu. ²² Hãy cấp cho người tới mức ba ngàn bốn trăm năm mươi kí§ bạc, 600 hộ* lúa mì, 2.200 lít† rượu, và 2.200 lít dầu ô-liu. Còn muối thì người cần bao nhiêu cấp bấy nhiêu. ²³ Hãy cẩn thận cấp cho người bất cứ những gì mà Thượng Đế trên trời cần cho đền thờ của Ngài. Chúng ta không muốn Thượng Đế nổi giận cùng vua và các hoàng tử.

§ 7:22: ba ngàn bốn trăm năm mươi kí Nguyên văn, “100 ta-lâng.” * 7:22: hộ Nguyên văn, “100 co” (khoảng 22.000 lít). † 7:22: 2.200 lít Nguyên văn, “100 bát.”

24 Nên nhớ các người không được phép đánh bất cứ loại thuế nào trên những người sau đây: các thầy tế lễ, người Lê-vi, ca sĩ, người giữ cửa, người giúp việc trong đền thờ và các nhân công khác trong đền thờ của Thượng Đế.

25 Còn người, hỡi E-xơ-ra, hãy dùng sự khôn ngoan mà Thượng Đế ban cho người để chọn những quan án và các nhà làm luật để cai trị dân Do-thái sống trong vùng Xuyên Ơ-phơ-rát. Họ biết luật lệ của Thượng Đế các người, và người có thể dạy cho những ai không biết luật.

26 Ai không tuân theo luật của Thượng Đế các người hay của vua phải bị trừng phạt. Nó phải bị giết hay bị tù đầy, tịch thu gia sản hay bị cầm tù.”

E-xơ-ra ca ngợi Thượng Đế

27 Chúc tụng CHÚA, Thượng Đế của tổ tiên chúng tôi.

Ngài khiến vua có lòng tôn trọng đền thờ của CHÚA ở Giê-ru-sa-lem.

28 CHÚA đã tỏ ra cho tôi, E-xơ-ra, tình yêu Ngài trước mặt vua, những cố vấn vua, và các quần thần.

Nhờ CHÚA là Thượng Đế tôi giúp đỡ,
tôi thêm can đảm nên tôi triệu tập các lãnh tụ Ít-ra-en
cùng hồi hương với tôi.

8

*Danh sách các trưởng gia đình
cùng hồi hương với E-xơ-ra*

¹ Sau đây là các trưởng tộc và những người cùng được liệt kê với họ trở về cùng tôi từ Baby-lôn trong đời vua.

² Từ con cháu Phi-nê-ha: Ghệt-sôn. Từ con cháu Y-tha-ma: Đa-niên. Từ con cháu Đa-vít: Hát-túc ³ thuộc con cháu Sê-cai-gia.

Từ con cháu Ba-rốt: Xa-cha-ri, với một trăm năm mươi người.

⁴ Từ con cháu Ba-hát Mô-áp: Ê-li-hô-ê-nai, con Xa-ra-hia, với hai trăm người.

⁵ Từ con cháu Xát-tu: Sê-ca-nia, con Gia-ha-xiên, với ba trăm người.

⁶ Từ con cháu A-đinh: Ê-bết, con Giô-na-than, với năm mươi người.

⁷ Từ con cháu Ê-lam: Giê-sai-gia, con A-tha-lia, với bảy mươi người.

⁸ Từ con cháu Sê-pha-tia: Xê-ba-đia, con Mi-chên, với tám mươi người.

⁹ Từ con cháu Giô-áp: Áp-đia, con Giê-hi-ên, với hai trăm mười tám người.

¹⁰ Từ con cháu Ba-ni: Sê-lô-mít, con Giô-si-phia, với một trăm sáu mươi người.

¹¹ Từ con cháu Bê-bai: Xa-cha-ri, con Bê-bai, với hai mươi tám người.

¹² Từ con cháu A-gát: Giô-ha-nan, con Hác-ca-tan, với một trăm mười người.

¹³ Từ con cháu A-đô-ni-cam, sau đây là những người cuối cùng: Ê-li-phê-lết, Giê-u-ên, và Sê-mai-gia với sáu mươi người.

¹⁴ Từ con cháu Bích-vai: U-thai và Xa-cua, với bảy mươi người.

Cuộc hành trình về Giê-ru-sa-lem

¹⁵ Tôi gọi tất cả những người đó lại nơi kênh đào chảy ra A-ha-va, rồi chúng tôi dựng trại ba ngày tại đó. Tôi kiểm điểm dân chúng và các thầy tế lễ, nhưng không thấy có người Lê-vi nào.

¹⁶ Cho nên tôi gọi các lãnh tụ sau đây lại: Ê-li-ê-xe, A-ri-ên, Sê-mai-gia, Ên-na-than, Gia-ríp, Ên-na-than, Na-than, Xa-cha-ri, và Mê-su-lam. Tôi cũng gọi Giô-a-ríp và Ên-na-than là hai giáo sư.

¹⁷ Tôi sai họ đến Y-đô, lãnh tụ ở Ca-xi-phia, và dặn họ phải nói gì với Y-đô cùng thân nhân ông. Những người đó giúp việc trong đền thờ ở Ca-xi-phia. Tôi bảo họ mang các người giúp việc đến cho tôi để phục vụ trong đền thờ Thượng Đế. ¹⁸ Vì được Thượng Đế chúng tôi giúp đỡ nên các thân nhân của Y-đô giao Sê-rê-bia, một người rất khôn ngoan thuộc dòng họ Ma-li, con Lê-vi, cháu Ít-ra-en. Họ cũng mang các con trai Sê-rê-bia và anh em ông đến, tổng cộng mười tám người. ¹⁹ Rồi họ mang đến cho chúng tôi Ha-sa-bia và Giê-sai-gia thuộc dòng họ Mê-ra-ri cùng với anh em và cháu ông. Tổng cộng hai mươi người. ²⁰ Họ cũng mang đến hai trăm hai mươi người giúp việc trong đền thờ, tức nhóm người mà Đa-vít và các quần thần lập nên để

giúp đỡ người Lê-vi. Tất cả những người đó đều được liệt kê theo từng tên.

²¹ Nơi kênh đào A-ha-va, tôi loan báo mọi người cữ ăn và hạ mình xuống trước mặt Thượng Đế. Chúng tôi cầu xin Thượng Đế gìn giữ chúng tôi, con cháu và tài sản chúng tôi đi đường bình yên. ²² Tôi ngại không dám xin vua cho binh sĩ và lính cỡi ngựa hộ tống bảo vệ chúng tôi khỏi kẻ thù dọc đường vì chúng tôi đã thưa với vua, “Thượng Đế chúng tôi sẽ giúp những ai vâng lời Ngài, nhưng nổi thịnh nộ cùng ai từ bỏ Ngài.” ²³ Vậy chúng tôi cữ ăn và cầu nguyện cùng Thượng Đế xin Ngài gìn giữ chúng tôi khi đi đường, Ngài nghe lời cầu xin của chúng tôi.

²⁴ Rồi tôi chọn mười hai thầy tế lễ làm lãnh tụ: Sê-rê-bia, Ha-sa-bia, và mười thân nhân của họ. ²⁵ Tôi cân các cửa dâng hiến bằng bạc và vàng cùng những đồ dùng dâng cho đền thờ Thượng Đế chúng tôi và trao cho mười hai thầy tế lễ mà tôi đã chọn. Nhà vua, các cố vấn, các quần thần, và tất cả những người Ít-ra-en có mặt với chúng tôi đã dâng hiến những vật đó cho đền thờ. ²⁶ Tôi cân và trao cho họ khoảng năm mươi ngàn cân* bạc, khoảng bảy ngàn năm trăm cân các vật dụng bằng bạc, và khoảng bảy ngàn năm trăm cân† vàng. ²⁷ Tôi trao cho họ hai mươi cái chén vàng cân nặng khoảng mười chín cân‡,

* **8:26:** năm mươi ngàn cân Nguyên văn, “650 ta-lâng” (khoảng 22.425 kí-lô). † **8:26:** bảy ngàn năm trăm cân Nguyên văn, “100 ta-lâng” (khoảng 3.450 kí-lô). ‡ **8:27:** mười chín cân Nguyên văn, “1.000 đa-rích” (khoảng 8,60 kí-lô).

và hai miếng đồng đánh bóng quý giá như vàng.

²⁸ Rồi tôi bảo các thầy tế lễ, “Các người và những vật dụng này thuộc về CHÚA để phục vụ Ngài. Bạc và vàng là vật dâng hiến cho CHÚA, Thượng Đế của tổ tiên các người. ²⁹ Hãy canh giữ các món này cho cẩn thận. Đến Giê-ru-sa-lem, hãy cân chúng trước mặt các thầy tế lễ lãnh đạo, người Lê-vi, các trưởng gia đình của Ít-ra-en trong phòng của đền thờ Thượng Đế.”

³⁰ Vậy các thầy tế lễ và người Lê-vi nhận bạc, vàng và các đồ dùng đã được cân để mang về đền thờ của Thượng Đế chúng tôi tại Giê-ru-sa-lem.

³¹ Vào ngày mười hai tháng giêng[§], chúng tôi rời kênh A-ha-va khởi hành về Giê-ru-sa-lem. Thượng Đế chúng tôi giúp đỡ và che chở chúng tôi khỏi các kẻ thù và trộm cướp dọc đường.

³² Sau cùng chúng tôi về đến Giê-ru-sa-lem và nghỉ ngơi ba ngày ở đó.

³³ Đến ngày thứ tư chúng tôi cân bạc, vàng và những đồ dùng cho đền thờ Thượng Đế. Chúng tôi trao tất cả cho thầy tế lễ Mê-rê-mốt, con Uri. Ê-lê-a-xa, con Phi-nê-ha cũng có mặt đó với người cùng với các người Lê-vi như Giô-xa-bát, con Giê-sua, và Nô-a-đi-a, con Bin-nui. ³⁴ Chúng tôi kiểm kê mọi thứ theo số món và theo trọng lượng, rồi ghi lại tổng số.

³⁵ Sau đó những tù binh vừa hồi hương dâng của lễ thiêu lên cho Thượng Đế của Ít-ra-en. Họ

§ 8:31: tháng giêng Lịch Do-thái tức khoảng tháng 3-4 dương lịch, năm 458 trước Công nguyên.

dâng mười hai con bò đực, chín mươi sáu con chiên đực, và bảy mươi bảy con chiên con. Còn về của lễ chuộc tội thì họ dâng mười hai con dê đực. Tất cả các con thú đó được dâng lên làm của lễ thiêu cho CHÚA. ³⁶ Họ trình sắc lệnh của vua cho các sĩ quan hoàng gia và cho các tổng trấn vùng Xuyên Ơ-phơ-rát. Rồi những người đó giúp đỡ dân chúng và đền thờ của Thượng Đế.

9

Lời cầu nguyện của E-xơ-ra

¹ Sau các việc ấy thì các lãnh tụ đến trình với tôi, “E-xơ-ra ơi, dân Ít-ra-en, kể cả các thầy tế lễ và người Lê-vi, không biệt mình riêng ra khỏi các dân tộc xung quanh chúng ta. Các dân đó làm ác, như dân Ca-na-an, Hê-tít, Phê-ri-xít, Giê-bu-sít, A-môn, Mô-áp, Ai-cập, và A-mô-rít. ² Các người đàn ông Ít-ra-en cùng con trai họ đã cưới các người đàn bà đó. Họ đã pha trộn dân Thượng Đế với các dân sống quanh mình. Các lãnh tụ và các viên chức Ít-ra-en đã hướng dẫn toàn dân Ít-ra-en làm điều bất trung này.”

³ Khi tôi nghe vậy thì giận dữ xé áo dài và áo choàng tôi, nhổ tóc và râu rồi ngồi xuống mà kinh hoàng. ⁴ Người nào nghe lời Thượng Đế của Ít-ra-en và run sợ đều tụ tập quanh tôi vì sự bất trung mà các tù binh vừa hồi hương phạm. Tôi ngồi đó kinh hoàng cho đến giờ dâng của lễ buổi chiều.

⁵ Đến giờ dâng của lễ buổi chiều tôi đứng dậy khỏi nơi tôi ngồi để bày tỏ sự hổ nhục. Áo dài và áo choàng tôi rách tả tơi, tôi quì xuống gối hai tay lên hướng về CHÚA là Thượng Đế tôi. ⁶ Tôi cầu nguyện,

“Lạy Thượng Đế, tôi quá nhục nhã và xấu hổ không dám ngước mặt lên cùng Ngài, là Thượng Đế tôi vì tội lỗi chúng tôi quá nhiều. Chúng cao hơn đầu chúng tôi. Tội lỗi chúng tôi lên đến tận trời. ⁷ Từ thời tổ tiên chúng tôi đến nay, tội lỗi chúng tôi nhiều lắm. Vì tội lỗi chúng tôi mà chúng tôi, các vua và các thầy tế lễ chúng tôi đã bị trừng phạt bằng gươm và bị tù đày. Các vua ngoại quốc đã cướp của cải chúng tôi và làm nhục chúng tôi cho đến ngày nay.

⁸ Nhưng nay, trong một thời gian ngắn, CHÚA là Thượng Đế đã tỏ lòng nhân từ cùng chúng tôi. Ngài đã cho phép một số chúng tôi trở về từ chốn lưu đày và cho chúng tôi sống an ninh trong nơi thánh của Ngài. Ngoài ra Thượng Đế chúng tôi đã ban cho chúng tôi hi vọng và giải thoát khỏi cảnh nô lệ. ⁹ Mặc dù chúng tôi là nô lệ nhưng Thượng Đế không lìa bỏ chúng tôi. Ngài khiến cho các vua Ba-tư nhân từ cùng chúng tôi và ban cho chúng tôi một cuộc đời mới. Chúng tôi có thể xây lại đền thờ và sửa chữa những nơi đổ nát của nó. Ngài cũng ban cho chúng tôi một tường thành để bảo vệ chúng tôi trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

¹⁰ Nhưng bây giờ thưa Thượng Đế, chúng tôi sẽ nói gì sau khi Ngài đã làm những điều đó?

Chúng tôi đã không vâng phục mệnh lệnh ¹¹ mà Ngài đã truyền lại qua các tôi tớ và các nhà tiên tri của Ngài. Ngài phán, 'Xứ mà các người vào nhận làm sản nghiệp đã hư hỏng rồi; dân sống ở đó đã làm hư hỏng đất đó vì những điều ác chúng làm. Sự gian ác chúng nó tràn ngập đất, như nhớp đầy dẫy từ đầu này đến đầu kia. ¹² Vì thế đừng cho con gái các người kết hôn với con trai chúng nó, cũng đừng cưới con gái chúng nó cho con trai các người. Đừng mong ước hòa bình hay thành công cho chúng nó. Như thế các người sẽ hùng mạnh và hưởng những điều tốt lành trong xứ. Rồi các người sẽ để lại xứ này cho dòng dõi các người đời đời.'

¹³ Chúng tôi đã tự gây ra những thảm họa cho mình. Chúng tôi đã làm những điều ác, tội lỗi chúng tôi rất lớn. Nhưng Ngài là Thượng Đế chúng tôi, đã không trừng phạt chúng tôi tương xứng với tội lỗi chúng tôi; Ngài đã để cho một số chúng tôi còn sống sót. ¹⁴ Chúng tôi không nên phạm mệnh lệnh Ngài bằng cách kết hôn với những dân độc ác này. Nếu không Ngài sẽ nổi giận tiêu diệt chúng tôi, rồi sẽ không còn ai sống sót. ¹⁵ Lạy CHÚA là Thượng Đế của Ít-ra-en, vì lòng nhân từ Ngài mà một số ít chúng tôi còn sống sót hôm nay. Chúng tôi nhìn nhận mình có tội. Không ai trong chúng tôi xứng đáng đứng trước mặt Ngài."

10

Dân chúng xưng tội

¹ Trong khi E-xơ-ra đang cầu nguyện xưng tội, khóc lóc vật vã trước mặt đền thờ thì một nhóm đông người Ít-ra-en gồm đàn ông, đàn bà, trẻ con tụ tập xung quanh ông khóc lóc thảm thiết. ² Rồi Sê-ca-nia, con Giê-hi-ên, người Ê-lam nói cùng E-xơ-ra rằng, “Chúng ta đã bất trung cùng Thượng Đế chúng ta bằng cách kết hôn với những đàn bà thuộc các dân tộc quanh ta. Dù vậy, vẫn còn hi vọng cho Ít-ra-en. ³ Bây giờ chúng ta hãy lập giao ước trước mặt Thượng Đế chúng ta. Chúng ta sẽ đuổi tất cả những người đàn bà đó cùng con cái họ theo như ông và những người tôn trọng mệnh lệnh Thượng Đế chỉ bảo. Chúng ta phải làm như thế theo lời Giáo Huấn của Ngài. ⁴ Vậy, E-xơ-ra ơi, hãy đứng lên. Ông là người chịu trách nhiệm, chúng tôi sẽ ủng hộ ông. Hãy can đảm làm điều đó.”

⁵ Vậy E-xơ-ra đứng dậy và buộc các thầy tế lễ, người Lê-vi, cùng toàn dân Ít-ra-en hứa làm theo lời đề nghị trên. Mọi người đều hứa. ⁶ Rồi E-xơ-ra rời đền thờ và đi vào phòng của Giê-hô-ha-nan, con Ê-li-a-xíp. Trong khi ở đó, E-xơ-ra không ăn uống gì vì ông vẫn còn buồn bực về sự bất trung của những tù binh vừa hồi hương.

⁷ Họ ra lệnh cho tất cả các tù binh trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem vừa hồi hương phải tập hợp tại Giê-ru-sa-lem. ⁸ Trong vòng ba ngày ai không đến Giê-ru-sa-lem sẽ bị tịch thu gia sản và bị loại ra khỏi cộng đồng của những tù binh hồi hương. Đó là quyết định của các viên chức và

các bô lão.

⁹ Vì thế trong vòng ba ngày tất cả các người Giu-đa và Bên-gia-min tập họp lại tại Giê-ru-sa-lem. Đó là ngày hai mươi tháng chín*. Tất cả dân chúng ngồi trong sân trống trước đền thờ, bực tức vì vụ họp và vì trời mưa. ¹⁰ Thầy tế lễ E-xơ-ra đứng lên nói với họ, “Các người đã bất trung khi lấy những người đàn bà không phải Do-thái làm vợ. Các người đã làm cho dân Ít-ra-en mắc tội thêm. ¹¹ Bây giờ hãy xưng tội cùng CHÚA, Thượng Đế của tổ tiên các người. Hãy làm theo ý muốn Ngài và tách ra khỏi các dân tộc sống quanh các người và khỏi các vợ không phải Do-thái của mình.”

¹² Tất cả nhóm đều lớn tiếng đáp với E-xơ-ra, “E-xơ-ra, ông nói phải! Chúng tôi phải làm theo như ông nói. ¹³ Nhưng ở đây có đông người mà trời mưa nữa. Chúng tôi không thể đứng ngoài trời vì vấn đề này không thể giải quyết trong một hai ngày được, vì chúng tôi đã phạm tội rất nặng. ¹⁴ Bây giờ hãy để các viên chức quyết định cho toàn thể. Rồi mỗi người trong thành chúng tôi ai đã cưới vợ không phải Do-thái gặp riêng các bô lão hay quan án của từng thị trấn theo thời gian ấn định trước cho đến khi cơn giận phừng của Thượng Đế qua khỏi chúng tôi.”

¹⁵ Chỉ có Giô-na-than, con A-sa-hên, Gia-xê-gia, con Tích-va, Mê-su-lam và Sa-bê-thai người Lê-vi phản đối đề nghị đó.

* **10:9:** tháng chín Theo lịch Do-thái tức tháng 11-12 dương lịch.

16 Vậy những tù binh hồi hương làm theo lời đề nghị. Thầy tế lễ E-xơ-ra chọn những trưởng tộc và chỉ định một người từ mỗi họ hàng. Ngày một tháng mười† họ ngồi xuống cứu xét từng trường hợp. 17 Đến ngày một tháng giêng‡ thì họ đã kiểm kê xong những đàn ông đã kết hôn với các phụ nữ không phải Do-thái.

Danh sách những người kết hôn với các thiếu nữ ngoại quốc

18 Sau đây là con cháu các thầy tế lễ đã kết hôn với các thiếu nữ ngoại lai:

Trong con cháu Giê-sua, con Giô-xa-đác, và anh em Giê-sua: Ma-a-sê-gia, Ê-li-ê-xe, Gia-ríp, và Ghê-đa-lia. 19 Tất cả những người này đều hứa ly dị vợ mình, mỗi người mang một con chiên đực trong bầy để làm của lễ chuộc lỗi.

20 Trong con cháu Im-mê: Ha-na-ni và Xê-ba-đia.

21 Trong con cháu Ha-rim: Ma-a-sê-gia, Ê-li, Sê-mai-gia, Giê-hi-ên, và Ô-xia.

22 Trong con cháu Ba-sua: Ê-li-nô-ê-ai, Ma-a-sê-gia, Ích-ma-ên, Nê-tha-nên, Giô-xa-bát, và Ê-la-xa.

23 Trong vòng người Lê-vi: Giô-xa-bát, Si-mê-i, Kê-lai-gia (cũng có tên là Kê-li-ta), Bê-tha-hia, Giu-đa, và Ê-li-ê-xe.

24 Trong vòng ca sĩ: Ê-li-a-síp.

† **10:16:** tháng mười Theo lịch Do-thái tức tháng 12-1 dương lịch. ‡ **10:17:** tháng giêng Theo lịch Do-thái tức tháng 3-4 dương lịch.

Trong vòng các người giữ cửa: Sa-lum, Tê-lem, và U-ri.

²⁵ Và trong vòng các người Ít-ra-en khác thì những người sau đây kết hôn với các phụ nữ không phải Do-thái:

Trong con cháu Ba-rốt: Ra-mai-gia, Ích-xai-gia, Manh-ki-gia, Mi-gia-min, Ê-lê-a-sa, Manh-ki-gia, và Bê-nai-gia.

²⁶ Trong vòng con cháu Ê-lam: Ma-ta-nia, Xa-cha-ri, Giê-hi-ên, Áp-đi, Giê-rê-mốt, và Ê-li.

²⁷ Trong vòng con cháu Xát-tu: Ê-li-ô-ê-nai, Ê-li-a-síp, Ma-ta-nia, Giê-rê-mốt, Xa-bát, và A-xi-xa.

²⁸ Trong vòng con cháu Bê-bai: Giê-hô-ha-nan, Ha-na-nia, Xa-bai, và Át-lai.

²⁹ Trong vòng con cháu Ba-ni: Mê-su-lam, Ma-lúc, A-đai-gia, Gia-súp, Sê-an, và Giê-rê-mốt.

³⁰ Trong vòng con cháu Ba-hát Mô-áp: Ách-na, Kê-lanh, Bê-nai-gia, Ma-a-sê-gia, Ma-ta-nia, Bê-xa-lên, Bình-nui, và Ma-na-xe.

³¹ Trong vòng con cháu Ha-rim: Ê-li-ê-xe, Ích-si-gia, Manh-ki-gia, Sê-mai-gia, Xi-mê-ôn, ³² Bê-gia-min, Ma-lúc, và Sê-ma-ria.

³³ Trong vòng con cháu Ha-sum: Mát-tê-nai, Mát-ta-tha, Xa-bát, Ê-li-phê-lết, Giê-rê-mai, Ma-na-xe, và Si-mê-i.

³⁴ Trong vòng con cháu Ba-ni: Ma-A-đai, Am-ram, U-ên, ³⁵ Bê-nai-gia, Bê-đê-gia, Kê-lu-hi, ³⁶ Va-nai-gia, Mê-rê-mốt, Ê-li-a-síp, ³⁷ Mát-ta-nia, Mát-tê-nai, và Gia-a-xu.

³⁸ Trong vòng con cháu Binh-nui: Si-mê-i,
³⁹ Sê-lê-mia, Na-than, A-đai-gia, ⁴⁰ Mạc-na-đê-
bai, Sa-sai, Sa-rai, ⁴¹ A-xa-rên, Sê-lê-mia, Sê-ma-
ria, ⁴² Sa-lum, A-ma-ria, và Giô-xép.

⁴³ Trong vòng con cháu Nê-bô: Giê-Yên, Mát-
ti-thia, Xa-bát, Xê-bi-na, Giát-đai, Giô-ên, và Bê-
nai-gia.

⁴⁴ Tất cả những người đó lấy vợ không phải
Do-thái và một số đã có con với họ.

Thánh Kinh Bản Phổ thông
Easy Reading Version of the Holy Bible in Vietnamese
Verson de lecture facile de la Sainte Bible en
vietnamien

copyright © 2002, 2011 World Bible Translation Center

Language: Việt (Vietnamese)

Translation by: World Bible Translation Center

Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 Giữ bản quyền Phép trích dùng Văn kiện mang tác quyền này có thể được trích dùng đến 1.000 câu mà không cần xin phép. Tuy nhiên phần trích không được gồm nguyên một sách hay quá 50% của phần văn kiện được trích. Khi trích dùng xin nhớ ghi câu sau đây nơi tựa hay trang dành cho tác quyền: Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Do Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 sử dụng do phép của Cơ Quan nói trên. Khi trích Bản Phổ thông vào các mục đích không có tính cách thương mại như chương trình trong nhà thờ, bích chương, bản phim để chiếu lên màn ảnh hay các phương tiện tương tự thì không cần phải ghi toàn thể phần ghi chú tác quyền nhưng phải ghi chữ tắt (BPT) ở cuối mỗi câu trích. Nếu các câu trích hay các trang in lại nhiều hơn 1.000 câu hay hơn 50% của sách được trích, hoặc nếu cần xin phép khác phải liên lạc với Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới để được chấp thuận bằng văn thư chính thức của Cơ Quan. Địa chỉ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới P.O. Box 820648, Fort Worth, Texas 76182 Điện thư: bibles@wbtc.org Mạng lưới: www.wbtc.org Truy cập miễn phí Truy cập miễn phí các bản Thánh Kinh và Tân Ước của Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế giới qua: www.wbtc.org

2013-10-29

PDF generated using Haiola and XeLaTeX on 22 Feb 2024 from source files dated 31 Aug 2023

b183ddf1-d374-57ee-a27b-1546141bc5ab